

Bản án số: 105/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 8 -2023

V/v Ly hôn, t/c về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Đoàn Văn Vui

2. Ông Đường Thanh Chánh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc:*** Ông Nguyễn Hoàng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 148/2023/TLST-HN ngày 19 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2023/QĐST – HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023; giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1997; Địa chỉ: Ấp Sùng Tân, xã Tân Thanh Tây, huyện Mỏ Cày Bắc, Bến Tre

2. **Bị đơn:** Anh Võ Minh T1, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị T, anh T1 có mặt tại Tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thủy T trình bày:***

Năm 2020 chị T và anh T1 do quen biết tiến đến hôn nhân, gia đình 02 bên không có tổ chức đám cưới, chỉ tổ chức đám nói để kêu, cha mẹ, có nói đám cưới nhưng gia đình bên chồng nhiều lần hứa hẹn nhưng không làm, vợ chồng chung sống cùng nhau, có với nhau 01 con trai là Võ Minh T2 trước khi đăng ký kết hôn, chị và anh T1 làm giấy khai sinh cho con và làm giấy đăng ký kết hôn cùng ngày. Chị và anh T1 kết hôn vào ngày 11/03/2021 tại UBND xã N và được cấp giấy chứng nhận giấy chứng nhận kết hôn. Sau kết hôn chị và con trai sống cùng ông bà ngoại tại ấp S, xã T. Con chị và anh T1 được chị và ông bà ngoại chăm sóc đến nay. Vợ chồng thời gian đầu sống hạnh phúc, khi con chung là cháu T2 được

khoảng 01 tuổi thì vợ chồng mâu thuẫn do tiền bạc không rõ ràng, gia đình chồng cho rằng anh T1 đưa tiền lương hết cho chị nên chị và gia đình chồng mâu thuẫn. Vợ chồng không quan hệ đã lâu, từ khi sinh con ra đến nay, chỉ quan hệ vợ chồng 02 lần do anh T1 không ngủ lại nhà chị. Vợ chồng ly thân đã hơn một năm nay. Trong thời gian ly thân gia đình 02 bên không hàn gắn tình vợ chồng. Do có nhiều mâu thuẫn xảy ra, đến nay chị và anh T1 không thể sống chung với nhau được nữa nên xin Tòa cho chị được ly hôn với anh T1. Khi ly hôn chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng giữa vợ và chồng, chị cũng không cấp dưỡng cho anh T1.

Về con chung: có 01 con chung tên Võ Minh T2, sinh ngày 21/02/2021, chị xin nuôi con, trong đơn chị yêu cầu anh T1 cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, tại phiên tòa chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con, cháu T2 hiện đang sống cùng chị và ông bà ngoại. Chị làm cho hộ kinh doanh thuốc chẩn nuôi thủy sản ở T, thu nhập mỗi tháng khoảng 7.000.000 đồng có đủ điều kiện nuôi con. Nếu anh T1 nuôi con chị không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Võ Minh T1 trình bày:

Anh đồng ý ly hôn. Về điều kiện thành hôn, đăng ký kết hôn đúng như chị T trình bày. Vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 11/03/2021 tại UBND xã N và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Gia đình cũng có tính làm đám cưới nhưng lúc đó dịch bệnh COVID, sau này do một mình phải nuôi con nên chưa đủ điều kiện làm đám cưới. Vợ chồng chỉ mâu thuẫn cách nay mấy tháng, do vợ đi học tiếng Hàn có quen người khác nhắn tin qua lại và chị T nói sẽ ly hôn với anh. Chị T xin ly hôn anh đồng ý vì chị T không còn tình cảm với anh. Khi ly hôn anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng giữa vợ và chồng, anh cũng không cấp dưỡng cho chị T. Tại phiên tòa anh T1 trình bày vợ chồng mâu thuẫn do không hợp nhau. Chị T xin ly hôn anh đồng ý mặc dù anh còn thương vợ.

Về con chung: có 01 con chung tên Võ Minh T2, sinh ngày 21/02/2021, chị T xin nuôi con. Anh không đồng ý, anh xin nuôi con tên Võ Minh T2, sinh ngày 21/02/2021, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị T nuôi anh không cấp dưỡng. Anh đang làm nghề đo đạc cho Công ty Đ tư nhân ở C thu nhập mỗi tháng khoảng 13.000.000 đồng có đủ điều kiện nuôi con

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự trong quá trình thụ lý và giải quyết nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thủy T, chị T được ly hôn với anh T1; Chị T trực tiếp nuôi 01 con chung tên tên Võ

Minh T2, sinh ngày 21/02/2021, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu; Tài sản chung, Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Nợ chung không có nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ pháp luật*: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần giải quyết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Thẩm quyền giải quyết*: Theo xác nhận của Công an xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre xác nhận anh Võ Minh T1 hiện có mặt tại xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cà Bắc.

[3] *Về hôn nhân*: Chị T và anh T1 kết hôn vào năm 2021, do quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2021 và có đăng ký kết hôn được UBND xã N, huyện M cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày ngày 11/03/2021 tại UBND xã N nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T cho rằng chị và anh T1 mâu thuẫn do do tiền bạc không rõ ràng, gia đình chồng cho rằng anh T1 đưa tiền lương hết cho chị nên chị và gia đình chồng mâu thuẫn. Vợ chồng không quan hệ đã lâu, từ khi sinh con ra đến nay chỉ quan hệ vợ chồng 02 lần do anh T1 không ngủ lại nhà chị. Vợ chồng ly thân đã hơn một năm nay. Trong thời gian ly thân gia đình 02 bên không hàn gắn tình vợ chồng. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh T1. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh T1. Trong quá trình giải quyết anh T1 cho rằng anh và chị T mâu thuẫn cách nay mấy tháng, do vợ đi học tiếng Hàn có quen người khác nhắn tin qua lại và chị T nói sẽ ly hôn với anh. Tại phiên tòa anh cho rằng mâu thuẫn do không hợp nhau. Nay chị T xin ly hôn anh đồng ý mặc dù anh còn thương vợ. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân mất hạnh phúc giữa chị T và anh T1 thì mẹ của chị T cho biết bà thấy chị T và anh T1 có cãi nhau. Qua xác minh đại diện UBND xã, cho biết giữa chị T và anh T1 mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống. Như vậy, giữa chị T và anh T1 mâu thuẫn là có thật. Anh T1 cũng đồng ý ly hôn. Thấy rằng: Anh chị là vợ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ vợ chồng, mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa hai anh chị không đạt được đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị T là phù hợp.

[4] *Về con chung*: Có 01 con chung tên Võ Minh T2, sinh ngày 21/02/2021 hiện nay chị T đang nuôi; khi ly hôn chị T xin nuôi không yêu cầu anh T1 cấp

dưỡng nuôi con. Anh T1 trình bày nếu ly hôn, anh xin nuôi cháu T2, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Anh T1 cho rằng hiện nay anh đang làm nhân viên Công ty Đ tại C, thu nhập bình quân 13.000.000 đồng một tháng, chị T cho rằng chị đang làm cho hộ kinh doanh thuốc chăn nuôi thủy sản T3, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 6.000.000 đồng đến 6.500.000 đồng có đủ điều kiện nuôi con. Anh T1 và chị T đều có chứng cứ chứng minh mức thu nhập ổn định. Tuy nhiên tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 qui định “... Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con, trường hợp không thỏa thuận được thì tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con;...” Và khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 qui định “**Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con**”. Thấy rằng: Cháu T2 hiện nay dưới 36 tháng tuổi và đang ở với chị T, trong khi đó chị T có đủ điều kiện để trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T2 nên nhằm để đảm bảo quyền lợi cho cháu T2 được phát triển ổn định về mọi mặt như thể chất, tâm sinh lý... nên Hội đồng xét xử giao cháu T2 cho chị T trực tiếp nuôi. Trường hợp sau ly hôn chị T không đảm bảo điều kiện nuôi con hoặc không tạo điều kiện cho anh T1 được tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung thì anh T1 có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con. Việc chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của chị nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] *Về tài sản chung*: Chị T và anh T1 đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Chị T, anh T1 trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

[7] *Án phí* : Do yêu cầu xin ly hôn của chị T được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí theo qui định là 300.000 đồng.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thủy T. Chị Nguyễn Thị Thủy T được ly hôn với anh Võ Minh T1.

2. *Về con chung*: Chị T trực tiếp nuôi con chung tên Võ Minh T2, sinh ngày 21/02/2021, hiện nay chị T đang nuôi cháu T2; anh T1 không cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân

sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Chị T và anh T1 trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Chị T và anh T1 trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

5. *Án phí*: Chị T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu số 0005221. ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc nên không phải nộp thêm.

6. Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

7. *Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án*

*dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhân:**

- TAND Bến Tre (01b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc(01b);
- UBND xã Nhuận Phú Tân (số 17, ngày 11/3/2021);
- Dương sự (02b);
- Lưu HS, VP (03b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Uyên**

